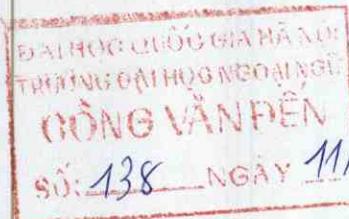


Số: 384 /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2014



Ký - A. Minh (PHT)  
- P. Đào tạo  
- K.T. Anh

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc ban hành đề cương môn học Tiếng Anh A2

#### GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP, ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 3079/QĐ-ĐHQGHN, ngày 26 tháng 10 năm 2010, được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 685/QĐ-ĐHQGHN, ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này đề cương môn học Tiếng Anh A2, mã số: FLF1106.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho quyết định số 1116/QĐ-ĐT, ngày 15/4/2011 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo và Thủ trưởng các đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT, T20.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Kim Sơn



# **ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

## **TIẾNG ANH A2, MÃ SỐ FLF1106**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 384 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 27 tháng 01 năm 2014  
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

### **1. Thông tin về giảng viên**

Giảng viên Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **2. Thông tin chung về môn học**

- Tên môn học: **Tiếng Anh A2**

- Mã môn học: **FLF1106**

- Số tín chỉ: **5**

- Giờ tín chỉ đổi với các hoạt động học tập: 75 giờ tín chỉ

+ *Lý thuyết*: **30**

+ *Thực hành*: **37**

+ *Tự học*: **8**

- Môn học: **Bắt buộc**

- Môn học tiên quyết: tiếng Anh A1, mã số FLF1105

- Địa chỉ khoa phụ trách môn học: Khoa Tiếng Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **3. Mục tiêu môn học**

#### **3.1. Mục tiêu chung**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Hiểu được những câu và cách diễn đạt phổ biến với các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày;
- Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp;
- Miêu tả một cách đơn giản về bản thân và các hoạt động, những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống của mình;

### **3.2. Mục tiêu cụ thể**

#### *3.2.1. Về kiến thức ngôn ngữ*

##### **Ngữ âm**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Phát âm tương đối rõ ràng dù vẫn còn nhiều ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ;
- Trao đổi thông tin nhưng thường cần giải thích thêm để người tham gia hội thoại có thể hiểu.

##### **Ngữ pháp**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Có vốn kiến thức cơ bản về các cách diễn đạt cho những tình huống giao tiếp hàng ngày như mua sắm, hỏi đường...;
- Sử dụng được các cấu trúc câu cơ bản trong đó có các cụm cố định, các cách diễn đạt theo công thức dù vẫn mắc nhiều lỗi ngữ pháp.

##### **Từ vựng:**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Có đủ vốn từ để thực hiện những giao dịch đơn giản hàng ngày với các tình huống và chủ đề quen thuộc như mua sắm, đi nhà hàng, vào bưu điện, ...

#### *3.2.2. Về các kỹ năng ngôn ngữ*

##### **Kỹ năng Đọc**

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Hiểu những văn bản ngắn, đơn giản về những chủ đề quen thuộc cụ thể được diễn đạt bằng ngôn ngữ gần gũi hàng ngày;
- Hiểu được các bài đọc ngắn, đơn giản sử dụng những từ vựng xuất hiện với tần suất cao;
- Phát triển kỹ năng đọc sau: đọc tìm kiếm thông tin cụ thể và dễ nhận biết từ những tài liệu đơn giản hàng ngày như quảng cáo, thực đơn, lịch trình, danh

sách ...; đọc hiểu những biển chỉ dẫn và thông báo hàng ngày ở nơi công cộng, như trên đường phố, nhà hàng, nhà ga, nơi làm việc, biển chỉ đường, thông báo, các biển báo nguy hiểm; đọc hiểu luật lệ và quy định khi được diễn đạt bằng ngôn ngữ đơn giản.

### Kĩ năng Nghe

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Nghe những cụm từ, những cách diễn đạt liên quan đến cuộc sống hàng ngày (các thông tin cá nhân, gia đình, mua bán, công việc,...) khi người nói rõ ràng và chậm rãi;
- Hiểu chủ đề mà người khác đang thảo luận khi họ nói một cách rõ ràng, chậm rãi;
- Hiểu và nhận biết được một số thông tin đơn giản trình bày trên đài/TV khi những thông tin đó liên quan đến những chủ đề gần gũi hàng ngày.

### Kĩ năng Nói

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Giao tiếp một cách tương đối dễ dàng trong những tình huống cố định và với những hội thoại ngắn về những chủ đề gần gũi và với sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết;
- Hỏi và trả lời câu hỏi cũng như trao đổi ý kiến và thông tin về những chủ đề quen thuộc trong những tình huống giao tiếp quen thuộc hàng ngày: thói quen hàng ngày, sở thích, ...;
- Thực hiện các chức năng ngôn ngữ hội thoại để thiết lập các mối quan hệ xã hội như chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, ...;
- Miêu tả cảm xúc và thái độ một cách đơn giản;
- Hiểu và tham gia thảo luận các chủ đề đơn giản: hẹn gặp, kế hoạch cuối tuần, đưa ra gợi ý, ...;
- Biết cách đồng tình hay phản đối ý kiến của người khác;

- Làm việc theo nhóm để thực hiện những nhiệm vụ đơn giản như tổ chức một sự kiện, hay thảo luận một tài liệu với những cách diễn đạt và ngôn ngữ đơn giản;
- Thực hiện những giao dịch đơn giản hàng ngày như mua bán hàng hóa và dịch vụ, tìm thông tin về du lịch, sử dụng các phương tiện công cộng, hỏi và chỉ đường, mua vé, gọi món ăn;
- Trao đổi thông tin về số lượng, giá cả, ...;
- Miêu tả người hay sự vật, nơi chốn, công việc, việc học tập, thói quen hàng ngày, kinh nghiệm cá nhân, thông tin cá nhân, sở thích, ...;
- Kể chuyện, miêu tả một cách đơn giản các hoạt động, sự kiện;
- Đưa ra một thông báo đơn giản khi được chuẩn bị trước;
- Trình bày một chủ đề ngắn về những vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày, đưa ra lí do và có thể trả lời một số câu hỏi đơn giản.

### Kĩ năng Viết

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Viết thư cá nhân đơn giản;
- Viết các tin nhắn đơn giản;
- Viết các cụm từ, các câu đơn giản sử dụng những từ nối như “and”, “but” và “because”;
- Viết về những chủ đề quen thuộc gần gũi như tả người, nơi chốn, công việc hay kinh nghiệm học tập.

#### 3.2.3. Các nhóm kĩ năng khác

*Kết thúc môn học, sinh viên có thể:*

- Có khái niệm và bắt đầu làm quen với làm việc theo nhóm;
- Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet để phục vụ cho môn học;
- Hình thành một số kĩ năng học tiếng Anh có hiệu quả;
- Nắm được dạng thức đề thi giữa kì và hết môn, và biết cách làm các dạng bài quy định trong đề thi.

### **3.3. Mục tiêu về thái độ**

Kết thúc môn học, sinh viên có thể:

- Nhận thức được tầm quan trọng của môn học;
- Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng internet ...;
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn;
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử;
- Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà;
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp;
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giảng viên;
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

## **4. Tóm tắt nội dung môn học**

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:

- Các vấn đề ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm tiếng Anh cơ bản;
- Những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày như bưu điện, nhà hàng, du lịch, quê hương, đất nước, ...;
- Cách phát âm các phụ âm trong tiếng Anh;
- Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp.

## **5. Nội dung chi tiết môn học**

Nội dung	Các tiêu mục
<b>Nhập môn</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu chương trình học (mục tiêu, nội dung, giáo trình, kiểm tra đánh giá môn học)</li> <li>- Định hướng phương pháp học tiếng Anh chương trình A2</li> </ul>
<b>Nội dung 1: Who's who?</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe: nghe xác định thông tin đơn giản về thứ, ngày, tháng; giờ và số; nghe và ghi chép lại hướng dẫn</li> <li>+ Nói: học cách giới thiệu về bản thân, sở thích, nghề nghiệp và miêu</li> </ul> </li> </ul>

Nội dung	Các tiêu mục
	<p>tả người, cách diễn đạt định nghĩa</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đọc: đọc xác định ý chính và chi tiết, đoán nghĩa của từ trong văn cảnh, tìm nghĩa của từ cho sẵn</li> <li>+ Viết: viết thư giới thiệu và miêu tả bản thân</li> <li>- <b>Kiến thức ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngữ âm: nguyên âm, âm mạnh, âm yếu</li> <li>+ Ngữ pháp: ôn tập trật tự của các thành phần trong câu hỏi, thì hiện tại đơn giản, hiện tại tiếp diễn, các đại từ quan hệ “who, which, where”</li> <li>+ Từ vựng: tính từ miêu tả người, tính từ chỉ bộ phận cơ thể, giới từ</li> </ul> </li> </ul>
<b>Nội dung 2:</b> <b>Right place, wrong time</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe: nghe xác định nguyên nhân cho hiện tượng và sửa lỗi sai, nghe xác định đúng sai, nghe hoàn thành thông tin còn thiếu</li> <li>+ Nói: trao đổi thông tin về một kì nghỉ vừa qua, một bức ảnh nổi tiếng, về chủ đề âm nhạc và kể lại một câu chuyện dựa theo tranh cho sẵn</li> <li>+ Đọc: đọc xác định ý chính và thông tin chi tiết, tìm từ đồng nghĩa, sắp xếp sự kiện theo trình tự thời gian</li> <li>+ Viết: Miêu tả một bức ảnh yêu thích</li> </ul> </li> <li>- <b>Kiến thức ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngữ âm: trọng âm ở từ hai âm tiết, từ dài và từ ghép</li> <li>+ Ngữ pháp: luyện tập thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, câu hỏi có hoặc không sử dụng trợ động từ và một số từ liên kết câu</li> <li>+ Từ vựng: nhóm từ vựng liên quan đến chủ đề ngày nghỉ, âm nhạc</li> </ul> </li> </ul>
<b>Nội dung 3:</b> <b>Where are you going?</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe: nghe xác định thông tin đúng sai, điền thông tin còn thiếu và ghi chép lại thông tin theo yêu cầu</li> <li>+ Nói: thảo luận về những dự định cho tương lai và lên kế hoạch cho một kì nghỉ ở nước ngoài</li> <li>+ Đọc: đọc lướt để xác định tiêu đề cho đoạn và đọc kỹ lấy thông tin chi tiết hoàn thành định nghĩa</li> </ul> </li> </ul>

Nội dung	Các tiêu mục
	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Viết: viết thư thân mật</li> <li>- <b>Kiến thức ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngữ âm: đọc ngắn và đọc nối</li> <li>+ Ngữ pháp: cấu trúc câu <i>going to</i> và <i>will/won't</i></li> <li>+ Từ vựng: động từ trái nghĩa và một số cụm động từ thông dụng</li> </ul> </li> </ul>
<b>Nội dung 4: From rags to riches</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe: nghe xác định thông tin chính và thông tin chi tiết.</li> <li>+ Nói: trao đổi về các kinh nghiệm trải qua và luyện cách nói sử dụng cấu trúc câu so sánh, hỏi và chỉ đường.</li> <li>+ Đọc: đọc xác định thông tin chính và thông tin chi tiết</li> <li>+ Viết: miêu tả nơi mình đang sống.</li> </ul> </li> <li>- <b>Kiến thức ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngữ âm: nhịp, âm mạnh và âm yếu của đại từ, tính từ sở hữu, liên từ và giới từ</li> <li>+ Ngữ pháp: thì hiện tại hoàn thành, phân biệt với thì quá khứ đơn giản và cấu trúc câu so sánh</li> <li>+ Từ vựng: nhóm từ liên quan đến chủ đề trang phục và cụm động từ liên quan đến việc nhà, tính từ trái nghĩa</li> </ul> </li> </ul>
<b>Nội dung 5: Are you a party animal?</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe: nghe lấy ý chính và thông tin chi tiết để hoàn thành bài tập</li> <li>+ Nói: hỏi và trả lời về chủ đề bữa tiệc, thói quen, sở thích, mua sắm; kể về một sự kiện thể thao đã tham gia</li> <li>+ Đọc: đọc và đưa ra các phản hồi dựa theo các tình huống cho sẵn, đọc bày tỏ ý kiến về vấn đề nêu ra</li> <li>+ Viết: cách viết một email trang trọng để hỏi thông tin cần thiết</li> </ul> </li> <li>- <b>Kiến thức ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngữ âm: âm mạnh và âm yếu của mạo từ, so sánh, trợ động từ</li> <li>+ Ngữ pháp: động từ nguyên thể với “<i>to</i>”, “động từ + <i>V-ing</i>”, “<i>have to &amp; must</i>”</li> <li>+ Từ vựng: nhóm từ liên quan đến chủ đề thể thao và một số từ bổ nghĩa</li> </ul> </li> </ul>

Nội dung	Các tiêu mục
<b>Nội dung 6:</b> <b>If something bad can happen, it will ...</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe: nghe xác định đúng sai</li> <li>+ Nói: đưa lời khuyên cho tình huống cho sẵn, hỏi và trả lời theo câu hỏi cho sẵn</li> <li>+ Đọc: đọc và hoàn thành nội dung bài đọc dựa trên các lựa chọn cho sẵn</li> <li>+ Viết: viết email thân mật giới thiệu về quê hương mình</li> </ul> </li> <li>- <b>Kiến thức ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngữ âm: lược âm, âm cuối -s, -ed.</li> <li>+ Ngữ pháp: câu điều kiện loại 1 &amp; 2</li> <li>+ Từ vựng: nhóm từ về chủ đề động vật, phân biệt các động từ dễ nhầm lẫn</li> </ul> </li> </ul>
<b>Định hướng kỹ năng làm bài thi</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giới thiệu dạng bài kiểm tra số 1 và 2</li> <li>- Luyện tập từng dạng bài và rút ra cách làm bài thi đạt kết quả cao</li> <li>- Kỹ năng tự luyện tập và khai thác thông tin</li> </ul>
<b>Nội dung 7:</b> <b>Famous fears and phobias</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe: nghe lấy thông tin chính và chi tiết về một người nổi tiếng, về các phát minh của nhân loại</li> <li>+ Nói: giới thiệu về các thành viên trong gia đình và các sự kiện đáng nhớ trong cuộc đời, thói quen và sở thích trong quá khứ</li> <li>+ Đọc: đọc các mẫu chuyện ngắn và điền từ vào chỗ trống dựa trên suy luận nội dung, đọc trình bày ý kiến về nhân vật trong bài</li> <li>+ Viết: miêu tả một ngôi nhà nơi mình đang sống</li> </ul> </li> <li>- <b>Kiến thức ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngữ âm: ngữ điệu ở thông tin mới, cũ</li> <li>+ Ngữ pháp: thì hiện tại hoàn thành với “for” và “since”, cấu trúc câu “used to”, và thể bị động.</li> <li>+ Từ vựng: nhóm từ bày tỏ sự sợ hãi, ngôn ngữ dùng để viết tiểu sử.</li> </ul> </li> </ul>
<b>Nội dung 8:</b> <b>I used to be</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe: nghe chọn thông tin đúng sai</li> </ul> </li> </ul>

Nội dung	Các tiêu mục
a rebel	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nói: nói về những điều sinh viên thường làm trong quá khứ</li> <li>+ Đọc: đọc bài viết về quá khứ của một người nổi tiếng</li> <li>+ Viết: viết về những điều mình thích trong các môn học ở trường</li> <li>- <b>Kiến thức ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngữ âm: ngữ điệu kể chuyện, nghe chuyện</li> <li>+ Ngữ pháp: <i>used to</i></li> <li>+ Từ vựng: các môn học ở trường</li> </ul> </li> </ul>
Nội dung 9:  I hate weekends!	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe: nghe lấy ý chính về chủ đề kì nghỉ cuối tuần, nghe hiểu thông tin chi tiết để trả lời câu hỏi</li> <li>+ Nói: thảo luận về chủ điểm kì nghỉ cuối tuần, sở thích và sức khoẻ</li> <li>+ Đọc: đọc lấy thông tin chi tiết và trình bày ý kiến cá nhân</li> <li>+ Viết: viết đoạn văn ngắn trình bày ý kiến cá nhân về một chủ điểm</li> </ul> </li> <li>- <b>Kiến thức ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngữ âm: từ quan trọng trong hội thoại</li> <li>+ Ngữ pháp: cách dùng các đại từ “something”, “anything”, “nothing”, các từ chỉ định lượng “too, enough”, và cấu trúc câu với “so/neither + auxiliary”</li> <li>+ Từ vựng: các tính từ kết thúc bằng “-ed” và “-ing”, nhóm từ liên quan đến chủ đề sức khoẻ và phong cách sống</li> </ul> </li> </ul>
Nội dung 10:  What a week!	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Các kỹ năng ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe: nghe hiểu thông tin chính và chi tiết để hoàn thành bài tập</li> <li>+ Đọc: đọc lấy thông tin chính và chi tiết</li> <li>+ Nói: luyện nói theo cặp sử dụng các diễn đạt bày tỏ thái độ cảm xúc và cấu trúc quá khứ hoàn thành</li> </ul> </li> <li>- <b>Kiến thức ngôn ngữ:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngữ âm: ngữ điệu đoạn</li> <li>+ Ngữ pháp: thì quá khứ hoàn thành, cách nói gián tiếp</li> <li>+ Từ vựng: cách dùng các trạng từ “suddenly, immediately”.</li> </ul> </li> </ul>

Nội dung	Các tiêu mục
<b>Nội dung 11:</b> <i>Then he kissed me</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các kĩ năng ngôn ngữ:           <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghe: nghe diễn từ</li> <li>+ Đọc: đọc lấy thông tin chính và chi tiết</li> <li>+ Nói: ghép và tả tranh</li> <li>+ Viết: chuyển một đoạn hội thoại trực tiếp sang gián tiếp</li> </ul> </li> <li>- Kiến thức ngôn ngữ:           <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngữ âm: ngữ điệu câu</li> <li>+ Ngữ pháp: lời nói trực tiếp và gián tiếp</li> <li>+ Từ vựng: phân biệt “say, tell, ask”</li> </ul> </li> </ul>
<b>Ôn tập</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống toàn bộ kiến thức đã học từ đầu</li> <li>- Ôn tập các dạng bài theo định dạng bài thi</li> <li>- Lưu ý về kĩ năng làm bài thi</li> </ul>

## 6. Học liệu

### 6.1. Học liệu bắt buộc

1. Marks J., *English Pronunciation in Use*. Elementary. Cambridge: Cambridge University Press, 2007.
2. Oxenden, C., Lathem-Koenig & Seligson, P. *New English File -Pre-intermediate- Student's Book & Workbook*. Oxford: Oxford University Press, 2005.

### 6.2. Học liệu tham khảo

1. Cunningham, S. & Moor, P., *New Cutting Edge-Pre-Intermediate- Student's Book & Workbook*. Longman ELT, 2005.
2. Soars, J. & Soars L., *New Headway Pre-Intermediate – Student's book & Workbook*. Oxford: Oxford University Press, 2000 (3<sup>rd</sup> ed.).
3. Soars, J. & Soars L., *New Headway Pre-Intermediate-Test*. Oxford: Oxford University PressNew Headway, 2000 (3<sup>rd</sup> ed.).
4. Websites:

- <http://www.englishpage.com> <http://www.learnenglish.org.uk>
- <http://www.world-english.org> <http://www.englishclub.com>
- <http://www.esl.cafe.com> <http://www.a4esl.org>
- <http://www.iteslj.org/links>

## 7. Hình thức tổ chức dạy học

Nội dung	Hình thức tổ chức môn học		
	Lí thuyết	Thực hành	Tự học
Nhập môn	2	1	1
Nội dung 1	2	2	0.5
Nội dung 2	2	2	0.5
Nội dung 3	2	2	0.5
Nội dung 4	2	2	0.5
Nội dung 5	2	2	0.5
Nội dung 6	2	2	0.5
Định hướng kỹ năng làm bài thi	1	2	0.5
Nội dung 7	2	2	0.5
Nội dung 8	2	2	0.5
Nội dung 9	2	2	0.5
Nội dung 10	2	2	0.5
Nội dung 11	2	2	0.5
Ôn tập	5	5	0.5
Kiểm tra		7	0.5
<b>Tổng số</b>	<b>30</b>	<b>37</b>	<b>8</b>

## 8. Chính sách đối với môn học và các yêu cầu khác

Sinh viên cần:

- thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của môn học được ghi trong đề cương môn học;
- tham dự đầy đủ các buổi học và bài kiểm tra số 1 và 2; nếu sinh viên nghỉ quá 20% số buổi học sẽ không được phép tham dự bài kiểm tra kết thúc học phần;
- nộp các bài thực hành viết cho giảng viên một tuần sau khi sinh viên được giao bài;
- chuẩn bị bài trước khi đến lớp và làm bài tập về nhà theo hướng dẫn.

## 9. Phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả môn học

### 9.1. Hình thức, mục đích, tỉ trọng các bài kiểm tra đánh giá

Hình thức	Mục đích kiểm tra	Trọng số
Bài kiểm tra tiến độ số 1	Đánh giá khả năng của sinh viên ở kỹ năng Ngữ pháp-Từ vựng- Đọc hiểu	20 %
Bài kiểm tra tiến độ số 2	Đánh giá khả năng của sinh viên ở kỹ năng Nói, trình bày ý tưởng và thảo luận.	20 %
Bài kiểm tra kết thúc học phần	Đánh giá khả năng của sinh viên ở kỹ năng Nghe-Đọc-Viết.	60 %

Chú ý:

- Điểm môn học quy về thang điểm 10. Có thể lấy điểm lẻ, làm tròn đến 1 số thập phân. Ví dụ 7.3.
- Dạng thức của bài kiểm tra tiến độ và bài kiểm tra kết thúc học phần theo quy định của trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

### 9.2. Lịch thi, kiểm tra

STT	Hình thức kiểm tra, đánh giá	Thời gian
1	Bài kiểm tra tiến độ số 1	Tuần 8
2	Bài kiểm tra tiến độ số 2	Tuần 12
3	Bài kiểm tra kết thúc học phần	Từ 1 - 4 tuần sau khi kết thúc môn học